

Bản án số: 19/2017/DS-ST

Ngày: 26/5/2017

V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Đức Luân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Ngân**

2. Bà **Trần Lệ Nga**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 261/2016/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2016 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2017/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **La Lâm P**, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số 72 Đ, P. L, TP. G, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà **Hồ Kim T**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Lô C2-63 H, P. L, TP. G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2016 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà **La Lâm P** trình bày thống nhất như sau: Nguyên vào ngày 05/5/2015 bà **T** đến gặp bà để hỏi vay số tiền 250.000.000 đồng, các bên đến Văn phòng công chứng Rạch Giá để xác lập hợp đồng vay tiền, bà giao trực tiếp cho bà **T** một lần bằng tiền mặt và có sự chứng kiến của công chứng viên, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng, thời điểm đến hạn

trả nợ là ngày 05/5/2016, không tính lãi suất, mục đích bà T vay tiền là để góp vốn với người em gái làm tiệm nail tại Mỹ, hợp đồng vay tiền đã được công chứng số: 1489, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/5/2015. Sau khi vay, bà T đã trả cho bà được 02 lần tiền, cụ thể: ngày 21/11/2015 trả 20.000.000 đồng, ngày 09/12/2015 trả 8.500.000 đồng, tổng cộng 28.500.000 đồng thì ngưng không trả nữa, hiện nay bà T còn nợ bà số tiền 221.500.000 đồng. Qua tìm hiểu, bà được biết bà T sử dụng vốn vay để đánh bạc, khi nợ đến hạn, bà đã nhiều lần yêu cầu bà T trả khoản nợ còn lại nhưng bà T nói thẳng là không còn khả năng trả nợ và thách thức bà đi thưa kiện. Do đó, bà đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân TP. G để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Nay bà P yêu cầu bà T trả cho bà khoản nợ vay 221.500.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 05/5/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn bà Hồ Kim T vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn - bà La Lâm P yêu cầu bị đơn - bà Hồ Kim T thanh toán số tiền nợ vay gốc đã vi phạm nghĩa vụ là 221.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn). Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà La Lâm P và bà Hồ Kim T là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. G, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. G, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn - bà Hồ Kim T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần, nhưng vẫn vắng mặt. Nguyên đơn - bà La Lâm P yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn - bà Hồ Kim T.

Về nội dung vụ án:

[1] Về việc áp dụng pháp luật để giải quyết: Giao dịch dân sự về việc thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tiền giữa bà P và bà T được xác lập trước ngày Bộ luật

Dân sự 2015 có hiệu lực (ngày 05/5/2015) tuy nhiên, tính đến ngày xét xử hôm nay, bên vay – bà T chưa trả hết nợ cho bên cho vay – bà P nên giao dịch trên vẫn trong quá trình đang được thực hiện, giao dịch trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 470 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 về điều khoản chuyển tiếp, thống nhất áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết tranh chấp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, kèm theo tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án là *Hợp đồng vay tiền và văn bản công chứng lập ngày 05/5/2015* thể hiện nội dung: Bà Hồ Kim T có vay của bà La Lâm P số tiền gốc 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, thời điểm đến hạn trả nợ là ngày 05/5/2016, không tính lãi suất, hợp đồng vay tiền đã được Văn phòng công chứng Rạch Giá công chứng số: 1489, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/5/2015. Sau khi vay, bà T đã trả cho bà P được 02 lần tiền, cụ thể: ngày 21/11/2015 trả 20.000.000 đồng, ngày 09/12/2015 trả 8.500.000 đồng, tổng cộng 28.500.000 đồng thì ngưng không trả nữa, hiện nay bà T còn nợ bà P số tiền 221.500.000 đồng. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đều không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật và bị đơn đã không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 91, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bị đơn có vay tiền và nhận đủ số tiền 250.000.000 đồng của nguyên đơn, đã trả được 28.500.000 đồng, hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 221.500.000 đồng là sự thật, nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 221.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu tính lãi: nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền nợ vay 221.500.000 đồng từ ngày 05/5/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay 26/5/2017, yêu cầu này là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên cần được chấp nhận, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm để tính lãi.

Số tiền lãi được xem xét cụ thể như sau: 221.500.000 đồng x (10%/12 tháng) x 12 tháng 21 ngày = 23.442.083 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà La Lâm P, buộc bị đơn - bà Hồ Kim T có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc 221.500.000 đồng và nợ lãi 23.442.083 đồng, tổng cộng 244.942.083 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 4 Điều 466, khoản 1 Điều 470, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 4 Điều 18, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà La Lâm P về việc “Tranh chấp hợp về đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn - bà Hồ Kim T.

2. Buộc bị đơn - bà Hồ Kim T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn - bà La Lâm P số tiền 244.942.083 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm tám mươi ba đồng)

3. Về án phí:

- Buộc bị đơn - bà Hồ Kim T chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí: 244.942.083 đồng x 5% = 12.247.104 đồng (Mười hai triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm lẻ bốn đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn - bà La Lâm P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 5.500.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố G theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003023 ngày 01/11/2016.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

khoản 6 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Lệ Nga

Hồ Thị Ngân

Đào Đức Luân

